

# Đức Maria Trong Đối Thoại Đại Kết Và Đối Thoại Liên Tôn

Mọi các phần trên cố gắng tìm hiểu về Đức Maria theo một số truyền thống Công giáo, và chắc hẳn cũng còn nhiều thiếu sót. Trong chương này thử đi tìm hình ảnh Đức Maria trong đối thoại Đại Kết cũng như Đối thoại liên tôn.

## 1. Phong trào Đại kết

Đại kết mang gốc La tinh “oecumenismus” bởi từ Hy Lạp “oikumene = đất để ở” có nghĩa thế giới có người ở, hay đế quốc La mã. Từ đó có nghĩa “toàn thế giới”. Theo Từ điển Công giáo, 500 mục từ: “*Việc Đại kết chỉ những nỗ lực của các Giáo hội Kitô giáo, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, nhằm tiến tới việc hiệp nhất trong một đức tin sung mãn vào Đức Kitô*”.

### - Vài dòng lịch sử

Giáo hội do Đức Giêsu thành lập qua dòng lịch sử đã bị phân chia ra thành nhiều Giáo hội khác nhau: Công giáo, Chính thống giáo ra đời với cuộc ly giáo năm 1054; Tin lành với ông Luther năm 1519; Anh giáo với vua Henri VIII năm 1535.

Đến thế kỷ thứ XIX còn đánh dấu với những cuộc tranh chấp làm khó khăn thêm cho những cuộc đối thoại giữa các Giáo hội Kitô giáo: Chống người Tin lành trong các nước Âu châu, mạnh mẽ nhất tại Pháp, cuộc nội chiến “Sonderbund hay Sondrebond = liên minh cá biệt” bên Thụy sĩ vào năm 1845... Công cuộc truyền giáo nơi các châu lục mới phát triển mạnh cũng đánh dấu những chống chọi về phương diện giáo thuyết giữa người Kitô hữu. Công đồng Vatican I lại đưa ra Hiến chế “Pastor Aeternus”, và nơi chương 4 nói về nguồn gốc, sự liên tục, ý nghĩa và bản tính quyền tối thượng và ơn “bất khả ngộ” của Đức Giáo hoàng. Tất cả những biến cố trên càng đào sâu thêm ngăn cách và không thấu hiểu giữa các Giáo hội Kitô giáo. Thời bấy giờ, phía Công giáo coi việc hiệp nhất như việc các Giáo hội Kitô giáo khác phải trở lại với Công giáo, chứ không phải đến từ kết quả đào sâu chung nhau.

Vào thời Đệ nhất Thế chiến, Đức Hồng Y Mercier muốn đưa ra một tinh thần đối thoại mới với Anh giáo nhưng cuối cùng cũng thất bại đến từ vai trò Đức Giáo hoàng. Đức Giáo hoàng Piô X lúc ban đầu cũng cố võ đối thoại, nhưng với Tông huấn “Mortalium animos” năm 1928 lại cứng rắn thêm: Không nói đến “hiệp nhất các Giáo hội”. Tư tưởng được coi đến từ phía Tin lành. Đức Giáo hoàng coi như biến đổi mới của chủ nghĩa thờ ơ. Thế nhưng khi Tông huấn được loan báo, tinh thần và thái độ đối thoại bắt đầu nhen nhúm đến từ giáo dân chứ không đến từ các bậc phẩm trật.

Người khởi xướng đầu tiên tinh thần đối thoại thực tế là linh mục Paul Couturier (1881-1953). Ngài đưa một luồng gió mới vào Đại kết với việc cầu nguyện chung. Một kinh nguyện cho hiệp nhất mà Thiên Chúa muốn với những phương tiện của Người. Từ năm 1908, hàng năm có tuần lễ cầu nguyện Công giáo cho những người anh em

chia rẽ trở lại. Tuần lễ cầu nguyện mang tính cách chung cho tất cả các Giáo hội khác và được phát triển ra khắp thế giới. Đó là “Đại kết thiêng liêng”. Bên cạnh đó, có những nhà thần học nổi tiếng như hai cha Yves Congar (OP) và Henri de Lubac (SJ) cũng đưa ra những con đường thần học Công giáo về Đại kết. Một nền tảng cho đối thoại với các Giáo hội khác.

Đến thời Đệ nhị Thế chiến có rất nhiều những gặp gỡ giữa các Giáo hội trong những nhóm chiến binh, nhóm kháng chiến, những nơi nhốt tù binh và những nơi bị đưa đi lưu đày. Một Đại kết thực tiễn, và sau khi thế chiến chấm dứt cuộc đối thoại vẫn được tiếp tục. Các nhà thần học các Giáo hội khác nhau thường xuyên đối thoại. Linh mục Couturier tụ họp một số linh mục và mục sư từ năm 1937 tại tu viện “Trappe des Dombes” vùng Ain, nước Pháp. Họ cùng đưa ra những luận án chung từ năm 1956 và đề nghị đến các Giáo hội Kitô giáo. Trong các chủng viện và trong các khóa họp của các linh mục, tinh thần mở ra với Đại kết cũng được khai triển. Tu viện Taizé tại miền Saône et Loire, nước Pháp được khai sinh năm 1940 mang tính cách liên tôn.

Giáo hội Công giáo cho đến thời Đức Giáo hoàng Gioan XXIII hoàn toàn chống các cuộc họp Đại kết trên bình diện phẩm trật cao cấp. Khi Hội Đồng Đại kết các Giáo hội (COE = Conseil Œcuménique des Églises) được thành lập 1948, Giáo hội Công giáo không trả lời tham dự. Đến năm 1950, dưới triều đại Đức Giáo hoàng Piô X, Giáo hội Công giáo nhìn nhận phong trào Đại kết là hoa quả Chúa Thánh Thần. Đến thời Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, với Công đồng Vatican II đã có hai sự kiện quan trọng: thành lập Văn phòng Hiệp nhất năm 1960; và ban hành sắc lệnh về Đại kết (Unitatis Redintegratio) năm 1964.

## 2. Đức Maria trong Chính thống giáo

Một nhà thần học Chính thống giáo khẳng định: “*Phụng vụ Byzantine là phụng vụ mang tính cách Đức Maria hơn tất cả mọi phụng vụ!*”. Những cử hành phụng vụ về lễ Đức Maria, và những tượng ảnh về Đức Maria rất nhiều. Qua đó đã cho Đức Maria rất nhiều danh xưng khác nhau. Mỗi một danh xưng đều mang ý nghĩa riêng biệt về hiểu biết, về truyền thống mang dấu chỉ một cuộc gặp gỡ: “Niềm vui bất ngờ”, “Mẹ những người đau khổ”, “Vui mừng hơn hờ của mọi thụ tạo”, “Tìm kiếm những người tuyệt vọng”, “suối nguồn sự sống”... Mỗi tên gọi nói lên dạng thái khác nhau của Giáo hội.

Chính thống giáo cũng coi Đức Maria hiện diện ngay khởi đầu truyền thống, ký ức Giáo hội bắt đầu với lời Thiên sứ do các mục đồng kể lại, và Đức Maria suy niệm trong lòng (Lc 2,19.51). Điều thấy diễn đạt nhiều trong các thánh thi. Thật vậy, trong phụng vụ Byzantine, yếu tố thánh thi vượt hẳn yếu tố Kinh Thánh. Từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ XV, thánh thi được sáng tác rất nhiều và có chỗ đứng quan trọng trong các giờ kinh phụng vụ trong các đan viện theo Chính thống giáo. Trong các thánh thi, các tác giả không ngần ngại lấy ý tưởng đến từ các Ngụy thư như trường hợp mừng kính lễ dâng Đức Maria trong Đền thánh: “*Trong ngày này tất cả hãy chạy đến Mẹ Thiên Chúa, tôn kính ngài bằng những bài hát của chúng ta, và cử hành lời tán dương thiêng liêng: Vì ngài biểu thị như một cửa lễ cho Thiên Chúa trong Đền thánh của Người!*”.

Chính thống giáo cũng có khoa tranh ảnh. Theo truyền thống Chính thống giáo, thánh Luca có vẽ 3 ảnh tượng về Đức Trinh nữ. Thế nhưng, theo lịch sử một trong những ảnh tượng cổ xưa nhất về Đức

---

<sup>1</sup> A.Kniazepp, *La Mère de Dieu dans l’Eglise orthodoxe*, Paris, collection “Théologies”, 1990, trang 178.

Trình nữ có thể đến từ cuối thế kỷ thứ VI hoặc đầu thế kỷ thứ VII. Bức tranh khai sinh ra từ trong một tu viện mang hình ảnh “Đức Trinh nữ và hài nhi”. Sau đó hình ảnh trở thành mẫu và được phát hành rộng rãi trong Giáo hội Byzantine. Chính thống giáo cấm không được vẽ Đức Maria mà không có hài nhi. Sau cuộc khủng hoảng về tượng ảnh vào những năm 726-843, và sau Công đồng Nicêa II năm 787, tượng ảnh trong Chính thống giáo mang một giá trị thần học. Tượng ảnh hầu như trở thành mang tính cách bí tích vì tượng ảnh làm hiện hữu thế giới trên trời. Từ đó, tượng ảnh được dùng trong phụng vụ và được tôn kính như bái lạy, hôn kính, và xông hương...

Tượng ảnh hài hòa với thánh thi phụng vụ, và tượng ảnh như vẽ lên thành hình tư tưởng thánh thi. Vì thế người ta gọi “phụng vụ bằng hình ảnh”. Ngoài tượng ảnh “Đức Trinh Nữ và Hài nhi”, còn thấy những tượng ảnh khác “Đức Trinh Nữ cầu nguyện” khá đặc biệt, và người ta có một tượng ảnh cho mỗi lễ cho dù đó là lễ kính Đức Maria hay lễ kính Chúa Kitô. Nếu lễ kính Đức Maria, người họa sĩ không ngần ngại lấy nguồn cảm hứng đến từ Ngyệ thư.

- Trong Chính thống giáo không có 4 tín điều về Đức Maria như bên Công giáo.

Chính thống giáo mang điểm chung với Công giáo vì cả hai tôn giáo đều tôn kính Đức Maria. Điểm khác biệt nơi người Tin lành. Thế nhưng việc tôn kính Đức Maria giữa Chính thống giáo và Công giáo cũng có nhiều điểm khác biệt, vì thế cần ý thức điểm khác biệt cho dù không ngăn cách.

Chính thống giáo không đặt tín điều về Đức Maria. Tín điều Vô Nhiễm nguyên tội bên Công giáo hoàn toàn xa lạ với người tín đồ Chính thống giáo. Họ cũng coi như rất xa lạ với ý tưởng cho nguyên tội đến từ hành vi tính dục quy chiếu về thánh Augustinô.

Đối với tín điều Đức Maria lên trời, người Chính thống giáo gọi “Đức Mẹ yên giấc ngàn thu”. Họ nhấn mạnh đến sắc thái nhân loại với cái chết Đức Maria cho dù khẳng định cái chết đó trùng hợp với vinh quang của ngài bên cạnh người Con. Về phương diện tín lý, Chính thống giáo bám vào Đức Maria Mẹ Thiên Chúa (Theotokos) đúng theo định nghĩa đến từ công đồng Êphêxô năm 431. Vì thế Chính thống giáo gọi Đức Maria “Mẹ Thiên Chúa”. Chính thống giáo trình bày Đức Maria với hai tín điều, nhưng gọi lên Ngài với cả ngàn danh xưng và hình ảnh. Hai tín điều đến từ các công đồng đại kết ở những thế kỷ đầu khẳng định Đức Maria “Theotokos”, và ngài luôn luôn đồng trình. Những điều biết thêm về ngài đến từ Truyền thống Giáo hội, lịch sử, lòng sùng kính bình dân và Chúa Thánh Thần.

Thánh Jean Damascène nói: *“Danh xưng duy nhất Mẹ Thiên Chúa chứa đựng tất cả mầu nhiệm kế hoạch”*. “Kế hoạch” có nghĩa “công trình” Thiên Chúa thực hiện cho việc cứu rỗi nhân loại, và được mạc khải trong danh xưng Maria. Sách Công vụ Tông đồ còn ghi: *“không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ”* (4,12).

- Đức Maria không tách rời với mầu nhiệm Nhập thể.

Một tín điều căn bản Kitô học: Đức Maria là Mẹ Con Thiên Chúa làm người mang hai bản tính con người và Thiên Chúa không thể tách rời. Trong phụng vụ, việc tôn kính liên quan đến Đức Maria diễn đạt nơi lời kinh đến sau phần kinh khẩn cầu Chúa Thánh Thần (épiklesis): *“Đáng kính hơn các Kêrubicim và không thể so sánh vinh quang hơn các Sêraphim, Ngài là Đáng không tỳ ố sinh ra Thiên Chúa Ngôi Lời. Ngài là Đáng chính thực Mẹ Thiên Chúa. Chúng con ngợi khen”*.

Việc tôn kính Đức Maria ghi trong một mầu nhiệm khó tả nên lời, giống như mầu nhiệm nhập thể được gắn liền vào nhau. Điều mang

sắc thái thái độ Chính thống giáo đối với một tiếp cận duy lý bên Tây phương cần phải đưa ra công thức bằng những tín điều. Vì thế màu nhiệm Đức Maria không tách khỏi màu nhiệm nhập thể.

- Đức Maria mang khuôn mặt nhân loại.

Đồng thời, Đức Maria là một ánh sáng chiếu soi phận số nhân loại. Ngài mang khuôn mặt nhân loại tham dự vào hành vi Thiên Chúa cứu độ. Thật vậy, Đức Maria biểu thị tự do nhân loại. Nơi Đức Maria, người ta không chiêm ngưỡng người đàn bà lý tưởng, một thần thánh nữ tính động lòng trắc ẩn bên cạnh một Thiên Chúa nam tính không xót thương.

Đức Maria thể hiện nhân loại đón nhận Lời Chúa, theo đồng vận tự do nhân loại và ân sủng Thiên Chúa. Người đàn bà nhân loại đó mà Thiên Chúa siêu việt cần đến để thể hiện chương trình tình yêu không phải một dụng cụ tiêu cực trong bàn tay Người. Khi Đức Maria nói lời “xin vâng” như lời một người đàn bà tự do, được linh hứng bởi lòng tin toàn diện như lời nhà tu đức Nicolas Cabasilas, ở thế kỷ thứ XIV: *“Khi Thiên Chúa quyết định đưa người Con-đầu vào thế gian để đổi mới nhân loại, bằng cách làm cho Người nên một Adam thứ hai, Thiên Chúa đã làm cho Đức Trinh nữ tham gia vào chương trình của Người. Một quyết định táo bạo, Thiên Chúa tuyên báo, và Đức Trinh nữ xác nhận. Ngôi Lời Nhập Thể không chỉ công trình của Thiên Chúa Cha, của Ngôi Lời và Chúa Thánh Thần, nhưng còn là công trình ý chí đức tin của Đức Trinh nữ”*.

- Đức Maria, mẫu gương người đệ tử chân thật.

Đức Maria tham dự vào màu nhiệm thánh với thân xác, tâm hồn và trí khôn. Người ta thường ca tụng quá đáng việc làm mẹ thân xác, lấy đi biểu tượng phong phú Đức Maria trao ban. Con người được

mời gọi khai sinh ra Chúa Kitô. Đức Maria trở nên mẫu gương người môn đệ chân chính, tiếp nhận Lời Chúa. Trong Tin mừng Gioan, dưới chân Thập giá có Đức Maria, và người môn đệ thương mến, đại diện Giáo hội: Chính nơi tất cả các những người mang lòng tin mà Đức Giêsu trao phó mẹ Người, và kêu gọi đón nhận Ngài. Đức Maria biểu thị nhân loại, và cho dù như con người, ngài có vai trò duy nhất trong lịch sử ơn cứu độ.

Trên đây chỉ ghi những nét chính về việc tôn kính Mẹ Thiên Chúa trong Chính thống giáo. Khi nhìn lại kinh nghiệm về Đức Maria bên Đông phương, hẳn cũng thấy nhiều điểm tương đồng với Giáo hội Công giáo, cho dù Chính thống giáo cho thấy khác biệt về hình thức cũng như tín điều. Sự giống nhau thâm sâu, trọng yếu, hiện sinh mang những mầm mống hiệp nhất không thể tránh được giữa các Giáo hội là một bí mật của Đức Maria còn phải khám phá ra.

### **3. Đức Maria trong các Giáo hội Tin lành**

Các Giáo hội Tin lành thường giữ gìn ý tứ, ngập ngừng, và mang thái độ chỉ trích đối với một số khẳng định và thực hành của Giáo hội Công giáo và Chính thống giáo liên quan đến Đức Maria. Thế nhưng cũng cần biết, những điểm phản ứng đó đến hơi muộn, và những luận chiến bắt đầu từ thế kỷ thứ XVIII và thế kỷ thứ XIX. Nguyên do đến từ việc khai triển cứng rắn về Maria luận trong Giáo hội Công giáo. Người Tin lành không loại bỏ Đức Maria. Ngài còn được nhà cải cách Tin lành như ông Jean Calvin coi như “kho tàng ân sủng”, gìn giữ giáo thuyết mở cửa Nước Trời cho nhân loại ngày hôm nay: *“Ngài gìn giữ điều đó như một kho tàng, và bằng cách thức của ngài chúng ta nhận được. Đó là vinh dự Thiên Chúa làm cho ngài. Đó là điều gì chúng ta nhìn nơi ngài: Không phải để dừng lại, không phải làm*



*cho ngài trở thành một thần tượng, nhưng để qua cách thức của ngài, chúng ta được dẫn tới Chúa Giêsu Kitô”.*

Thật vậy, ông Martin Luther người khai sinh ra Tin lành chỉ tin dựa vào Kinh Thánh (sola Scriptura = chỉ tin Kinh Thánh). Ông coi như “nơi thần học” đầu tiên và cốt yếu diễn đạt trong các tác phẩm của mình. Từ đó trở nên định lý thần học cho những nhà cải cách Tin lành đầu tiên chấp nhận và noi theo. Việc trở về Kinh Thánh theo hai cách: Loại bỏ mọi yếu tố được thêm vào ví dụ như đến từ các Ngụy thư. Ngoài ra họ ưu tiên dành cho nghĩa đen chống lại nghĩa ám dụ, vì thế ông Martin Luther không đọc Sáng thế 3,15 với nghĩa tiên trưng dành cho Đức Maria. Sau này trong một tác phẩm khác “De la Captivité babylonienne de l’Eglise” xuất bản năm 1560, nhà cải cách lại đọc theo nghĩa tiên trưng dành cho Đức Maria, nhưng rồi đến năm 1523 với tác phẩm “Que Jésus Christ est né juif” ông lại cho nghĩa tiên trưng Sáng thế 3,15 dành cho Đức Giêsu.

- Giáo hội Tin lành không cầu nguyện với Đức Maria hay các thánh.

Đó là khác biệt lớn với Giáo hội Công giáo. Người Tin lành chỉ cầu nguyện với Thiên Chúa, biết rằng nhờ Đức Giêsu Kitô mà chúng ta với lòng tin tưởng có thể đến với Thiên Chúa những gì là mình. Vì thế người Tin lành chỉ trích phụng vụ dành cho các thánh. Việc thực hành phụng vụ các chư thánh trong Giáo hội Công giáo phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ thứ XVI, và hầu như làm mất đi vai trò trung gian duy nhất của Chúa Kitô, và đôi khi còn có thể trở thành một hình thức thờ ngẫu tượng. Và Đức Maria cũng nằm vào vị trí đó giống như các thánh. Thế nhưng cũng thấy có một suy tư mới về Đức Maria. Giáo hội Tin lành dựa vào những khẳng định lớn đến từ các Công đồng Êphêxô và Chalcedoine, và những văn bản cải cách ở thế kỷ thứ XVI đặt Đức Maria vào trong mầu nhiệm cứu độ, chỗ đứng người nữ tỳ

hèn mọn, chứng nhân đức tin và thụ tạo hàng đầu được cứu chuộc. Từ đó, cũng thấy được một lòng đạo đức nuôi dưỡng bằng Tin mừng, nhìn thấy lòng tin Đức Maria được diễn đạt trong kinh Magnificat.

Điểm này được thấy tiến triển trong phụng vụ, các bài thánh ca và giáo lý các Giáo hội Tin lành theo hệ Luther và Cải cách bên nước Pháp từ cuối thế kỷ thứ XIX đến ngày hôm nay. Ví dụ trong một cuốn sách Giáo lý Tin lành viết như sau: “*Đức Maria là nữ tỳ Thiên Chúa tiêu biểu nhất. Thiên Chúa chọn ngài và ngài được mời gọi giữa tất cả phụ nữ để trở thành mẹ người Con Thiên Chúa. Ngược lại với Eva đã lựa chọn con đường bất tuân phục, Đức Maria đã đáp trả theo lời mời gọi với lòng tin và khiêm nhường. Chúng ta thấy ngài dưới chân thập giá và trong cộng đoàn tiên khởi các tông đồ (Công vụ 1,14). Những lời đẹp nhất của ngài chứa đựng trong thánh thi Magnificat (Lc 1,46-55)*”<sup>1</sup>.

- Các Giáo hội Tin lành không có Maria luận.

Trong Giáo hội Tin lành không có khoa Thánh mẫu học, không có lòng tôn sùng Đức Maria như phụng vụ và kinh nguyện dành cho ngài. Họ thường dị ứng trước giáo thuyết về Đức Maria của Giáo hội Công giáo. Sách giáo lý Tin lành ghi như sau: “*Giáo hội Tin lành tin tất cả những gì liên quan đến Đức Maria trong Kinh Thánh, tức là chúng ta không tin ngài Vô nhiễm nguyên tội (ngài sinh ra cách huyền diệu với một bà mẹ huyền thoại tên Anna), không tin ngài lên trời, tức là thể xác lên trời, cũng như không tin ngài tham dự vào công trình cứu độ, mà Kinh Thánh không nói tới*”.

---

<sup>1</sup> A. Wohlfahrt, Le cep et les sarments. Catéchisme à l'usage de l'Eglise de la Confession d'Augsbourg, Strasbourg, Edition Oberlin, 1965.

Giáo hội Tin lành nghĩ rằng vì muốn trung thành với chứng từ tông đồ, cũng như tôn trọng dành cho Mẹ Thiên Chúa<sup>1</sup>, nên Giáo hội Tin lành hoàn toàn chống lại mọi ca tụng dành cho Đức Maria, thiết lập một song đối giữa ngài và Chúa Kitô, giữa ngài và Giáo hội bằng cách cho ngài những tước hiệu làm mất đi khuôn mặt thật của Đức Maria.

### **- Mẹ Đức Giêsu**

Tư tưởng các nhà cải cách Tin lành nhắm vào Chúa Kitô. Đức Maria được coi như hoàn toàn theo mệnh lệnh Con của ngài. Vì thế người Tin lành nhấn mạnh vào tước hiệu làm Mẹ. Ông Martin Luther ghi: *“Gioan không lo lắng gì lắm về bà mẹ, cũng như Phaolô chỉ đơn giản nói: “sinh ra từ một người đàn bà” trong Galát, chương 4,4. Thật vậy, khi người càng cao trọng, Chúa Thánh Thần càng lớn trong con người, và hơn nữa, càng chủ tâm hơn, họ được quan tâm về hoa trái hơn bà mẹ, và muốn chúng ta, quan tâm về hoa trái, tức là nơi Con Thiên Chúa, được sáng tạo và làm mọi sự, và là ánh sáng thế gian và trở nên một con người thật sự. Còn lại, đúng vậy, ngài là Trinh nữ thánh, trong sạch, trinh khiết, chúc phúc hơn mọi phụ nữ, như lời Thiên thần nói nơi Luca chương 1, và ngài hát trong bài thánh thi: “Mọi thế hệ sẽ khen tôi diễm phúc” (Lc 1,48). Thế nhưng, ngài mang trong tâm người Con Thiên Chúa thật trở thành con người”* (Sur l’Evangile de Jean, Septième prédication).

### **- Đức Maria: Kẻ tin hay mẫu gương lòng tin**

---

<sup>1</sup> Ông Martin Luther không chống lại tước hiệu “Theotokos” dành cho Đức Maria giống như các nhà cải cách Tin lành khác. Ngoài ra, ông còn chấp nhận “ba cách đồng trinh” của Đức Maria, cho dù những yếu tố không đến từ Kinh Thánh. Các nhà cải cách Tin lành khác chỉ coi Đức Maria là Mẹ Chúa Kitô, và ngài là mẫu gương cho kẻ tin.

Ông Martin Luther khai triển về Đức Maria khi ông chú giải kinh Magnificat và được phát hành vào năm 1521. Ngoài tước hiệu “Mẹ”, tác giả còn cho Đức Maria mang thêm tước hiệu “kẻ tin”, và dựa vào “mối phúc” do bà Êlisabét xướng lên: “*Em thật có phúc, vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói với em*” (Lc 1,45). Qua đó, thấy được ông Martin Luther nhấn mạnh đến lòng tin hơn các công trình. Tác giả ghi như sau khi chú giải đoạn văn Luca 1,48: “*Ngài không tự hào nhân phẩm hay tính xấu xa của mình, nhưng sự quý mến thần thiêng tràn đầy tốt lành và ân sủng để tự coi như một thiếu nữ không đáng kể để nhìn ngài với bao nhiêu huy hoàng và vinh dự. Họ phạm lỗi bất công đối với ngài, những ai cho ngài tự hào không phải nơi sự đồng trinh nhưng nơi lòng khiêm hạ của ngài. Ngài không tự hào về sự đồng trinh, sự khiêm hạ của mình, nhưng chỉ vào nơi ân sủng thánh thiêng*”. Qua tác phẩm nêu trên, ông Martin Luther mang khẳng định cơ bản. Đức Maria “lớn lao” đến từ ân sủng thánh thiêng mà ngài tham dự vào với lòng tin toàn diện. Lòng tin đó mạc khải cái nghèo hèn của nhân loại như tác giả chú giải đoạn Luca 1,51: “*Chỉ có sự thiếu lòng tin làm ngăn cản chúng ta chờ đợi một chút thời gian, nếu không chúng ta cũng thấy rõ ràng cách nào tình thương gần gũi những ai kính sợ, với tất cả quyền năng Thiên Chúa, và bằng cách nào cánh tay Thiên Chúa chống lại những kẻ kiêu ngạo*”.

Từ đó tư tưởng về lòng tin Đức Maria trở nên một trong những cái mốc quan trọng trong diễn từ của Giáo hội Tin lành về Đức Maria.

#### **4. Đối thoại Đại Kết**

**- Đức Maria là chương ngại vật hay nguồn gốc hiệp nhất?**

Như đã thấy nơi phần trên, hình ảnh Đức Maria được các Giáo hội Kitô giáo mang những cái nhìn khác nhau, và cho cảm tưởng khó có thể được những nét chung. Các Giáo hội đến từ Kitô giáo chỉ giữ

riêng cho mình hình ảnh Đức Maria, hay chấp nhận đi vào đối thoại Đại kết trước những khác biệt căn bản đó.

Từ thế kỷ thứ XVI, Giáo hội Công giáo và Giáo hội Tin lành đã có nhiều tranh luận gay gắt về Đức Maria. Bên Công giáo khai triển thường cho Giáo hội Tin lành không tin vào Đức Trinh nữ Maria, và cũng mang tư tưởng chống lại Tin lành khi nói về Đức Maria. Ngược lại, bên Tin lành coi phát triển những tín điều về Đức Maria bên Công giáo như một “lạc giáo”. Người lên tiếng mạnh mẽ nhất là nhà thần học Tin lành Karl Barth<sup>1</sup>: “*Chính trong giáo thuyết và phụng tự dành cho Đức Maria chứa đựng tiêu biểu nhất lạc giáo của Giáo hội Công giáo La mã, lạc giáo mà từ đó tất cả những điều khác tự giải thích hoàn hảo*”.

May thay đổi kháng về Đức Maria dần dà nhường những bước nhỏ cho tiếp cận Đại kết. Hai bên đều cố gắng tìm hiểu những lý do đến từ phía bên kia. Người Công giáo để ý không đưa Đức Maria như người chống đối với Chúa Kitô, không đóng khung Thiên Chúa vào vai trò thẩm phán mà con người chỉ giải thoát được nhờ lời Đức Maria chuyển cầu. Đức Maria thật sự Đấng đầy ơn phúc; và người Kitô hữu cũng tràn đầy ơn phúc Chúa Kitô. Đức Maria “trung gian mọi ân sủng”, nhưng không cùng trên bình diện với Đức Giêsu, “*Đấng Trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và con người*” (1Tm 2,5). Giáo hội Tin lành cũng có những suy tư mới về Đức Maria. Mẹ Đức Chúa được đặt lại trong mầu nhiệm cứu độ, nơi chỗ đứng người nữ tỳ khiêm hạ... Nơi Đức Maria, Kitô hữu khám phá Thiên Chúa nhìn đến những người bé nhỏ. Ông Martin Luther ghi: “*Đức Trinh nữ không hát bài*

<sup>1</sup> Karl Barth, Dogmatique, tome I, Volume 2, 1<sup>re</sup> partie, Genève, 1954, trang 128-135.

*ca Magnificat cho một mình ngài, nhưng cho mọi người, hầu kéo chúng ta cùng hát lên theo ngài”.*

Từ đó thấy xuất hiện nhiều nhóm đối thoại Đại kết với Đức Maria làm đối tượng. Những thành viên trong các nhóm này đều đến từ những Giáo hội Kitô giáo khác nhau, nhưng họ không có ủy quyền chính thức nào đến từ phẩm trật các Giáo hội. Một trong những nhóm được biết đến khá nhiều mang tên “Groupe des Dombes = Nhóm Dombes” bên Pháp. Họ gồm những nhà thần học Công giáo và Tin lành người Pháp họp mặt định kỳ tại tu viện “Trappe des Dombes”, miền Ain (Pháp). Nhóm được linh mục Paul Couturier khai sinh năm 1937. Những cuộc gặp gỡ ban đầu chỉ để trao đổi tự do hầu hiểu nhau hơn. Tiếp đến thời gian tranh luận thần học, và sau cùng họ đã đi đến được một số thỏa thuận như: Về Thánh Thể (1972); đề nghị cho một hòa giải về thừa tác vụ (1973); tài liệu về thừa tác vụ Giám mục (1976); Chúa Thánh Thần, Giáo hội và các bí tích (1980); thừa tác vụ hiệp nhất trong Giáo hội hoàn vũ (1986); cho sự hiệp nhất các Giáo hội (1988); sám hối của các Giáo hội (1991). Những thành quả của nhóm Dombes có tiếng vang tốt trong các Giáo hội. Tài liệu của nhóm cũng được làm nền tảng cho Hội Đồng Đại kết các Giáo hội (COE), và nhờ đó vào năm 1982 tại Lima COE đã ra văn bản “Phép Rửa tội, Thánh Thể, Thừa tác vụ”. Đến năm 1997, nhóm Dombes ra tài liệu quan trọng về Đức Maria: “Marie dans le dessein de Dieu et la communion des saints = Đức Maria trong chương trình Thiên Chúa và các thánh thông công”. Nhóm đã đề cập đến bốn điểm bất đồng về Đức Maria trong các Giáo hội Kitô giáo. “Đồng công của Đức Maria vào sự cứu độ, và tương quan ân sủng với tự do”; “Trọn đời đồng trinh của Đức Maria và vấn đề anh chị em Đức Giêsu trong các Tin mừng”; “các tín điều Công giáo về Vô Nhiễm nguyên tội và Lên Trời”; “khẩn cầu với Đức Maria và các thánh”. Tất cả những vấn đề trên đều được

nhìn tỉ mỉ theo lịch sử, và nhóm đã cố gắng đưa ra một cách trong sáng cái được thua tối thượng. Họ đề nghị vượt qua những công thức lịch sử lẫn cấn trong những điểm đồng thuận, nhưng cũng nhìn những điểm bất đồng còn tồn đọng. Nhóm nêu cao “điều kết hiệp” thắng trên “điều ngăn cách”. Nhóm Dombes có công đưa người Công giáo và Tin lành cùng đi chung một đoạn đường, cho dù giữa họ cũng còn một khoảng cách khó vượt qua...

## 5. Đối thoại Tôn giáo

Công đồng Vatican II vào khóa VII ngày 28 tháng 10 năm 1965 đã đưa ra một bản Tuyên ngôn về liên lạc giữa Giáo hội Công giáo với các Tôn giáo: “Nostra Aetate = Thời đại chúng ta”. Sau đó, trong khóa IX ngày 7 tháng 12 năm 1965 Công đồng công bố Hiến chế “Gaudium et Spes = Vui Mừng và Hy Vọng”. Giáo hội cũng thấy nổi khắc khoải của mọi người: “...*Công Đồng trong khi minh chứng và trình bày đức Tin của toàn thể Dân Chúa đã được Chúa Kitô đoàn tụ, không có cách nào để diễn tả thực hùng hồn mối tình liên đới, sự tôn trọng và quý mến của Dân Chúa đối với gia đình nhân loại mà mình là một thành phần, cho bằng thiết lập cuộc đối thoại về những vấn đề ấy...*” (số 3). Giáo hội cổ võ tinh thần hiệp nhất và tình bác ái giữa loài người, tiếp tục công trình Chúa Kitô đến để cứu rỗi chứ không phải để kết án. Bản Tuyên ngôn “Nostra Aetate” đã nhấn mạnh: Mọi tôn giáo đều có một phần sự thật đang chờ lớn lên ngay mạc khải; và sứ mệnh Giáo hội đưa đến sự trọn vẹn “*ánh sáng Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người*”.

Ánh sáng Chân Lý được Công Đồng nêu rõ như sau:

- Với Đạo thờ thần linh (Animisme): Ít ra họ nhìn nhận “*quyền lực tàng ẩn trong vòng chuyển biến của sự vật và trong những biến cố*”

*của đời người” với những thần minh và đôi khi đi đến sự nhìn nhận “một vị Thần Linh Tối Cao hay một Người Cha”.*

- Với Ấn giáo: Họ *“tìm cách giải thoát khỏi những nỗi lo âu của kiếp người”* và sức nặng tội lỗi với sự đi qua vô số cuộc hóa kiếp thanh luyện *“bằng những lối sống khắc khổ, bằng tịnh niệm thâm sâu, bằng việc chạy đến nương ẩn nơi Thượng Đế với lòng mến yêu tin cậy”*.

- Với Phật giáo: Những người đã đạt đến thiên cảm nhìn nhận thiếu sót căn bản cuộc đời thay đổi này trước khát vọng sống toàn diện của họ. Họ tìm kiếm con đường tự do và trong sạch dẫn về Niết Bàn đạt đến chỗ giải thoát trọn vẹn ở đời này và chờ giác ngộ hoàn toàn.

- Với các Tôn giáo khác *“trên hoàn cầu đều cố công làm cho tâm hồn con người thoát khỏi những bần khoản bằng nhiều phương thế khác nhau, bằng cách vạch đường chỉ lối, tức đề xướng những giáo thuyết và luật sống cũng như những nghi lễ phụng tự”*.

- Với Islam: *“Giáo hội tôn trọng các tín đồ Islam, vì họ cùng thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và hằng hữu, từ bi và toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, đã từng đối thoại với con người”* (số 3).

- Với Do thái giáo: *“Thánh Công đồng nhắc lại mối dây liên kết linh thiêng giữa dân của Tân ước và dòng tộc Ápraham... vì người Do thái và Kitô hữu cùng có chung một di sản tinh thần thật vĩ đại, nên Thánh Công Đồng muốn cổ võ, khuyến khích sự hiểu biết và kính trọng nhau, nhất là bằng việc học hỏi Thánh Kinh, thần học và đối thoại trong tình anh em”* (số 4).

Chúng ta phải mang những phán đoán giá trị nào với những tôn giáo nói trên. Thật vậy, từ thế kỷ thứ XVII, Giáo hội luôn khuyến nhủ



các vị thừa sai phải tôn trọng những nền văn hoá địa phương nhưng các tôn giáo lúc ấy vẫn được coi như một yếu tố văn hoá. Với bản Tuyên ngôn “Nostra Aetate”, Giáo hội Công giáo đã thực sự có một cái nhìn mới về các tôn giáo khác và coi đó như những con đường dẫn về Thiên Chúa. Tóm lại, Công đồng kêu gọi người Kitô hữu cần để ý đến bốn điểm chính về vấn đề liên lạc đối thoại Tôn giáo:

1) Giáo hội không phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo khác. Giáo hội thấy trong các tôn giáo đó những tia sáng chân thật với lòng vui mừng và hy vọng.

2) Giáo hội kính trọng chân thành “*những phương thức và hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của Chân lý chiếu soi cho mọi người*”. Nơi đây có hai điểm cần nhấn mạnh: Giáo hội kính trọng chân thành mọi giáo thuyết và những lề luật sống, mọi nghi lễ tôn giáo dù có khác với đức tin hay luân lý Kitô giáo. Giáo hội nhìn nhận những cố gắng tinh thần tìm kiếm Thượng đế của họ. Hơn nữa, Giáo hội vui mừng tìm thấy trong một vài yếu tố đó hành động Chúa Kitô và Thần Khí Người “*ánh sáng Chân lý chiếu soi cho mọi người*”. Thánh Gioan cũng đã viết: “*Ngôi Lời là ánh sáng thật chiếu soi mọi người*” (Ga 1,9).

3) Dầu sao, Giáo hội cũng có bổn phận truyền rao “*Chúa Kitô là Đường, sự Thật và sự Sống (Ga 14,6), nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hoà mọi sự với mình*”. Công đồng nêu rõ các tôn giáo khác không phải những con đường khác song song với Chúa Kitô và có thể bỏ Đấng Cứu Thế qua một bên. Thái độ lãnh đạm tôn giáo của những người cho rằng đạo nào cũng giống nhau luôn luôn bị kết án. Những tôn giáo khác

chính là những con đường cứu độ cho những tín đồ của họ và ít nhiều dẫn về Con Đường chính là Chúa Kitô.

4) Vì vậy Giáo hội khuyến khích mọi người Công giáo đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với các tín đồ các tôn giáo khác

Trên đây, chỉ tóm lại vài ý chính về vấn đề đối thoại tôn giáo với Tuyên Ngôn “Nostra Aetate”, vì thế cần phải đào sâu hơn. Ngoài ra, Giáo hội cũng có những văn kiện mới như: “Đối thoại và sứ mệnh” (1984); “Đối thoại và rao giảng” (1991). Hai văn kiện đến từ những suy tư của Hội đồng Toà Thánh đối thoại liên tôn và Bộ Truyền giáo, cũng cần biết thêm về thông điệp “Sứ Mệnh Đáng Cứu Thế” (1992) của Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II.

## **6. Đức Maria trong đối thoại tôn giáo**

Nếu Đức Maria được biết đến hầu hết từ các văn bản Kitô giáo, thế nhưng ngài cũng thấy được nói tới trong các văn bản Do thái giáo và Islam. Hai truyền thống tôn giáo khá gần với Kitô giáo.

### ***A. Đức Maria: người phụ nữ Do thái***

Đức Maria và Đức Giêsu đều là người Do thái. Truyền thống Kitô giáo nhiều khi đã lãng quên điều đó và đã “Kitô hữu hóa” hình ảnh các Ngài, như cách chối bỏ nguồn gốc. Nhìn về phía Do thái giáo cũng thấy có tư tưởng loại bỏ nêu trên. Các tài liệu văn chương rabbi hoặc im lặng về Đức Giêsu hay Đức Maria, nhưng khi nói về các ngài thường thấy như một chế giễu hay làm nhục. Vì thế giống như Đức Giêsu, Đức Maria cũng trở thành đối tượng suốt những thế kỷ đầu Giáo hội, những luận chiến gay gắt giữa người Do thái và Kitô hữu.

## - Những vụ không về trinh thai

Theo truyền thống xưa cổ của người Do thái, Đức Giêsu được sinh ra từ một cuộc ngoại tình. Ông Celse (177-180) lên án Đức Giêsu đã tự tạo ra cho mình sinh ra từ một “trinh nữ”, và còn nói thêm: *“ông ta đến từ một trấn miền Giuđê, ông ta sinh ra từ một người đàn bà trong xứ, nghèo làm nghề kéo sợi: Tin chắc ngoại tình. Bà bị chồng đuổi, làm nghề thợ mộc (...) Bị chồng ruồng bỏ, xấu hổ đi ăn xin, và sinh ra Giêsu trong bí mật”* (Contra Celsum, 1,28, Editions Sources Chrétiennes 132, trang 150-152). *“Bà mẹ ông Giêsu bị người thợ mộc, người đã xin cưới bà, ruồng bỏ, vì tin chắc bà đã ngoại tình và mang thai với một người lính tên Panthêr”* (1,32, trang 163). Tên “Panthêr” là một từ đảo chữ “Parthenos = trinh nữ”. Điều người Kitô hữu nói: “Sinh ra từ một trinh nữ = parthenou”, Celse nói sinh ra từ “Panther”. Sau đó có một Ngụy thư “Actes de Pilate = tập biên bản Philatô” 2,3 cũng lấy lại ý tưởng này. Giáo phụ Justin cũng tranh luận về trinh thai với người Do thái tên Tryphon như thể điểm tranh luận chính. Thật thế, vấn đề Đức Maria trinh thai thấy đến từ nhiều nguồn tài liệu Do thái.

Nhiều nguồn đến từ văn chương các rabbi làm ô nhục vấn đề trinh thai. Phần lớn các học giả không cho giá trị lịch vào những văn bản đó, và đôi lúc cũng rất khó kiểm chứng và cần phải chú giải. Trong Mishna có đoạn như sau: *“Rabbi Siméon ben Azzai nói: Tôi tìm thấy tại Giêrusalem một cuộn sách gia phả trong đó có viết: Ai đó là con hoang vì người đàn bà của một người đàn ông - điều khẳng định lời rabbi Yêhôshua”* (4,13). Từ “ai đó” có phải chỉ định Đức Giêsu không? Nhiều nhà chú giải không đồng ý. Đến thế kỷ thứ III, có “Tôsefta”, một sách chú giải phụ thêm của Mishna liên quan đến phụ nữ cũng lấy lại ý tưởng đến từ Mishna. Trong đó có

nêu lên “Ben Stada” và “Giêsu ben Pantira”. Cho dù đoạn văn có thể nói đến Đức Giêsu Nazareth một cách gián tiếp, nhưng không nói gì đến bà mẹ Đức Giêsu. Sách “Talmud Babylone” có một đoạn khác như sau: “*Điều họ làm cho Ben Stada ở Lod, và họ đã treo ông ngày vọng lễ Vượt qua. Ben Stada là Ben Pandira. Rabbi Hisda nói: Stada là chồng và Pandira là người yêu. Thế nhưng người chồng không phải là Pappos ben Giuđa ư? Tên bà mẹ là Stada. Nhưng bà mẹ là Myriam, một thợ uốn tóc cho các bà? Như người ta nói ở Pumbedita: người đàn bà này bỏ chồng mình*” (Sanh.97a://Shab.104b). Trong văn bản có một vài nét gợi Đức Giêsu Nazareth như: Bị hành quyết ngày vọng lễ Vượt qua, tên bà mẹ là Myriam. Ben Stada và Ben Pandira trong văn bản được nhận diện. Đoạn văn bị các rabbi kiểm duyệt vì ngại phản ứng của giới quyền hành Kitô giáo, vì thế có thể nói văn bản trên có ý nói về Đức Giêsu.

### - Sefer Toledoth Yeshou

Ngoài ra còn bộ “*Sefer Toledoth Yeshou*” (*Truyện về ông Giêsu*)<sup>1</sup> được soạn vào thế kỷ thứ IX thuộc văn chương bình dân mang sắc thái bài Kitô giáo, đánh dấu xung khắc giữa người Do thái và Kitô hữu thuộc thời Trung cổ tại Âu châu. Những tư liệu chứa đựng trong “*Toledoth Yeshou*” được lưu hành theo truyền khẩu vào khoảng cuối thế kỷ thứ I. Sau được gom lại thành sách vào khoảng thế kỷ thứ IV. Cuốn sách được phát hành rộng rãi tại Âu châu và Trung đông vào thế kỷ thứ IX. Vào năm 826 Đức Giám mục thành Lyon, Agobard, có nói đến trong cuốn sách “*De Iudaicis Superstitionibus*”. Cuốn sách được biên soạn bằng tiếng Aram, nhưng cũng có những bản dịch ra tiếng

---

<sup>1</sup> Bộ sách chứa đựng nhiều bằng chứng ngạc nhiên về sự hiểu biết chính xác về Tân ước và thần học Kitô giáo. Vì thế, những dấu tích đến từ bộ sách cũng còn được tìm thấy trong những văn bản tranh luận về triết lý và thần học chống lại Kitô giáo. Một số tác giả Do thái cũng dựa vào tài liệu này.

Hípri, Ả rập, Yiddish và tiếng Đức. Nhờ tu sĩ dòng Đa minh Raymond Martin dịch ra tiếng La tinh vào thế kỷ XIII nên Kitô hữu mới được biết đến nhiều về cuốn sách.

Tác giả bộ sách lấy lại và dựa vào một số dữ liệu từ “*Talmud de Babylone*”, và tác giả khai triển rộng rãi hơn để chống lại Đức Giêsu và Mẹ Người là Miryam. Những ý chính lấy lại từ Talmud: Giêsu, một phù thủy có sức quyến rũ và chia rẽ; trừng phạt Giêsu và bà mẹ ô uế. Các sử gia cho cuốn sách thuộc loại luận chiến và không giúp tìm hiểu nguồn gốc lịch sử Đức Giêsu.

Câu chuyện trong bộ sách không có sử tính: Giêsu, con ngoại hôn của bà Maria, học được tà pháp Ai cập, cũng như *Thánh Danh* (Thiên Chúa), nhờ đó làm được điều kỳ diệu như cho người chết sống lại. Những việc lôi cuốn được dân chúng. Các bậc thông thái Do thái phải nhờ nội gián một trong 12 môn đệ tên Giuđa mới bắt được Giêsu và hành quyết chiều lễ Vượt Qua. Người giữ vườn mang xác ông giấu dưới dòng nước và cho đồ đệ phao tin ông đã sống lại. May có người nhờ Thần khí tìm ra xác Giêsu, nên các môn đệ hoảng sợ bỏ trốn ra khỏi nước và đi lura bịp khắp nơi khác.

Bộ sách chỉ một lần nói một cách tích cực về Đức Giêsu khi tác giả đồng ý Đức Giêsu chống lại chiến tranh hay bạo động. Vì thế khi Người bị bắt, các môn đệ muốn lấy vũ khí chống lại đám quân lính đến vây bắt, nhưng Đức Giêsu đã ngăn cản: “*xin mỗi người hãy cất dao vào! Đừng giơ dao (kiếm) để chống lại nhau! Đừng gây nên chiến tranh vì tôi*” (Tl 5,29-33). Đoạn văn rất sát ý nghĩa với những gì ghi lại trong Tin mừng Máthêu 26,51-53 và Gioan 18,11. Nhiều học giả sở dĩ cho tác giả bộ sách Toledo đưa ra khuôn mặt ôn hòa Đức Giêsu ở đây để chống lại sự hiếu chiến một số Kitô hữu. Những thế kỷ XI, XII và XIII thuộc thời điểm Thập tự quân.

## - Đánh giá lại ngày nay

Luận chiến về Đức Maria giữa người Do thái và Kitô giáo ngay từ những thế kỷ đầu đến nay coi như đã suy giảm rất nhiều. Đôi bên đều tìm điểm làm cho dịu đi. Bên phía Do thái cũng có cái nhìn tích cực hơn về Đức Giêsu, và dựa vào đó họ cũng lượng định lại hình ảnh về Đức Maria.

Về phía Do thái có những tác giả đưa ra một hình ảnh khác về Đức Maria. Người đầu tiên là tác giả Schalom Ben Chorin<sup>1</sup>. Ông là một nhà văn người Đức gốc Do thái, soạn một bộ sách gồm ba cuốn, và hai cuốn đầu liên quan về Đức Giêsu và thánh Phaolô. Tác giả khẳng định Tân ước nói rất ít về Đức Maria. Những câu Tin mừng liên quan đến Đức Maria được các nhà thần học Kitô giáo dựa vào xây dựng một nền thần học và một giáo thuyết về Đức Maria

Tác giả cho một song đối khi quy chiếu văn bản Isaia 7,14 được Tin mừng Máttêu lấy lại 1,22-23 với đoạn văn Xuất hành 2,1-10 nói về việc sinh hạ ông Môsê. Tác giả cho biết làm như thế dựa vào Mishna, vì vậy có thể có một ý nghĩa Do thái cho trình thuật trình thai.

Schalom Ben Chorin nêu cao cái khoảng cách giữa Đức Giêsu với chính gia đình Người, và nhất là đối với mẹ Người ngay từ khi đi rao giảng. Giai đoạn bên Kitô giáo gọi “cuộc đời công khai” của Chúa Kitô.

Ngoài ra, đối với Kitô hữu, có ba điểm nổi bật đến từ tác giả: Ông cho trình thuật trình thai thuộc loại huyền thoại, chú giải “anh chị em” Đức Giêsu theo nghĩa sinh học tự nhiên, và nhấn mạnh về việc mẹ Người không hiểu: Và chỉ sau sự Sống lại theo Công vụ tông đồ mới mở ra sự sáp nhập gần giữa gia đình tự nhiên và nhóm các môn

---

<sup>1</sup> Schalom Ben-Chorin, Marie, Un regard juif sur la mère de Jésus, traduit de l'allemand, Préface de M.Leplay, Paris, Desclée De Brouwer, 2001.

đệ. Cho dù tư tưởng không hoàn toàn đi theo đúng truyền thống Công giáo, nhưng cách đọc lại toàn bộ văn bản Tin mừng trên mang tinh thần khoan dung. Theo tác giả, Đức Maria giống như tất cả các bà mẹ Do thái với cuộc sống trải dài ra trong gia đình, tránh cuộc sống công cộng, theo nhịp điệu những truyền thống dân tộc. Schalom Ben Chorin còn cho Mariam, một phụ nữ Do thái miền Đông, đôi lần thấy mình không hiểu được người con đã làm bung nổ khung cảnh gia đình. Cho nên không có hình ảnh “lý tưởng và hợp nhất” trong tương quan giữa Đức Maria và người con.

Một cái nhìn theo người Do thái chứng thực hiện hữu lịch sử của Đức Maria. Tác phẩm đưa những khẳng định đôi khi không phù hợp với đức tin Kitô giáo, nhưng nêu lên câu hỏi đặt ra cho Đức Maria Nazareth bởi dân tộc của ngài, và còn cho thấy người Do thái nhìn lại và mang cái nhìn mới về Đức Giêsu và Đức Maria.

Sau Schalom Ben-Chorin, còn có một tác giả Do thái khác tên Schalom Asch. Ông viết một cuốn truyện nhan đề “Marie, mère de Jésus = Đức Maria, mẹ Đức Giêsu<sup>1</sup>” bằng tiếng Yiddish<sup>2</sup>. Cuốn sách ra đời nhưng ít được ai biết đến. Cuốn sách mang nhiều khẳng định đến từ Kitô giáo, nhưng cho các ông Giacóp, Giôsuê, Simon, Giuđa và Suzanne là những người con khác của Đức Maria.

---

<sup>1</sup> Schalom Asch, Marie, mère de Jésus, Paris, 1951.

<sup>2</sup> Tiếng yiddish (ייִדיש): ngôn ngữ gốc Đức với những từ đến từ tiếng Hípri và Slave. Ngôn ngữ được dùng trong cộng đoàn Do thái miền Trung Âu và Đông Âu (ashkénazes) từ thời Trung cổ. Đôi lúc còn được gọi tiếng Đức gốc Do thái. Tiếng yiddish được hai phần ba người Do thái (khoảng 11 triệu người) thời Đế nhị thế chiến dùng đến. Khi người Do thái bị quân Nazi (Đức quốc xã) tiêu diệt, tiếng yiddish trở nên thiếu số và mất dần dần. Các nhà ngôn ngữ học chia tiếng yiddish ra bốn thời kỳ: tiền-yiddish, đến năm 1250; yiddish cổ, từ 1250 đến 1500; trung yiddish, từ 1500 đến 1750, và yiddish hiện đại từ 1750 đến ngày nay.

## ***B. Đức Maria trong đạo Islam***

Đạo Islam như một tôn giáo thờ đấng thần ra đời trễ hơn Do thái giáo và Kitô giáo. Vì thế, đạo Islam cũng múc lấy tư tưởng đến từ mạc khải Do thái giáo và Kitô giáo. Và người ta thấy trong kinh Coran cũng như việc gây dựng giáo thuyết Islam sau đó có những nhân vật đến từ Cựu ước và Tân ước. Đức Maria, Mẹ Đức Giêsu có một chỗ khá nổi bật trong kinh Coran. Trước hết trình bày sơ lược về kinh Coran.

### **- Kinh Coran: Sách Thánh người Islam.**

Islam được hình thành từ pha trộn những tôn giáo và những truyền thống. Sau hơn mười ba thế kỷ người Islam vẫn chưa hoàn toàn đồng ý với nhau và chỉ có Kinh Coran thật sự đảm bảo hợp nhất cho họ.

### **- Tác giả và sự hình thành kinh Coran.**

Kinh Coran được viết bằng tiếng Ả rập “Al-Quran” phát sinh từ gốc ngôn ngữ Sêmit “QR” đã tìm thấy trong Cựu ước. Coran có nghĩa “đọc” hoặc rộng nghĩa hơn “Lời rao giảng”. Kinh Coran được xem như một tập gom góp tất cả những lời Thiên Chúa mạc khải cho tiên tri Mahomet từ năm 609 đến 632. Tất cả những lời mạc khải trên đều được Mahomet thu thập qua lời thiên sứ Gabriel truyền ban. Mahomet không biết viết và điều này không có gì lạ vào thời ấy. Ông đã lặp lại những lời được mạc khải cho các thầy ký lục viết thô sơ trên những mảnh da, những mảnh gốm vỡ hay trên bả vai lạc đà... Ngoài ra cũng có những đệ tử cố gắng ghi nhớ những lời thầy và họ lặp đi lặp lại, giữ theo hình thức truyền khẩu. Theo truyền thống Islam có tất cả sáu người còn giữ hoặc nhớ đầy đủ kinh Coran.

Sau khi Mahomet qua đời (632), những người đó duy nhất được ký thác giữ sách Thánh. Vào năm 633 có một số bị tử thương trong



chiến trận chống lại những kẻ phản nghịch. Abou Bakr, người kế vị Mahomet, thấy rõ cần thiết phải có một văn bản chính thức trước khi những người bạn đồng hành còn nhớ kinh Coran qua đời. Ông lập ra một tiểu ban do ông Zayd ben Thabet điều khiển. Ông này trước đây làm thư ký cho Mahomet. Sau cùng ủy ban Zayd đã ra bản kinh Coran đối chiếu thứ nhất, nhưng dấu sao cũng chỉ là một bản bản chính thức và chỉ lưu hành dùng trong dòng họ các vị chức sắc (Calife) Islam. Vài năm sau, Calife Osman (644-656), người thừa kế Abou Bakr, thấy có khác biệt dần dà trong các cộng đoàn Islam về cách đọc và giải thích những lời kinh Coran. Sự thể có thể đưa đến mỗi tranh chấp trầm trọng, nên Osman lập lại một tiểu ban khác gồm bốn thầy ký lục do ông Zayd điều khiển để tiếp tục công việc thu nhập lại như lần trước. Sau một thời gian họ đã lập nên một tập Coran chính thức cho tất cả mọi người Islam. Osman cũng ra lệnh hủy bỏ tất cả các bản văn Coran khác nếu như bản ấy không phù hợp với bản chính thức này.

### **- Hình thức kinh Coran**

Kinh Coran có 6236 câu (âyat) được gom lại trong 114 chương (sourates). Toàn bộ kinh Coran tương ứng khoảng chừng hai phần ba Kinh Thánh Tân ước. Các chương dài ngắn không đều nhau. Chương đầu Kinh nguyện căn bản của người Islam còn gọi “Fâtihah” hay “Mở đầu”. Sau đó các chương khác được xếp gần như từ dài đến ngắn. Niên đại các chương không được tôn trọng theo thời gian tính. Ngoài ra trong cùng một chương sự mặc khải có thể ở những thời gian khác nhau. Người ta phân biệt rõ ràng trong Coran có những chương phát xuất từ truyền thống đến từ La Mecque và những chương đến từ Médine. Từ La Mecque thường được viết bằng thể văn xuôi có vần, lời văn trúc trắc diễn tả bằng những câu ngắn, được lặp đi lặp lại như lời niệm thần chú. Ý chính những chương này rất dễ hiểu chứa những

điều căn bản đạo Islam (87). Ngược lại những chương phát xuất từ truyền thống Médine thường dài hơn, kết bằng những câu kép và có xếp đặt hẳn hoi. Chung chung gồm những chương kể lại câu chuyện gọi ý, diễn tả hầu hết những lời khiển trách hay những quy định

## **- Nội dung kinh Coran**

Về nội dung, kinh Coran lẫn lộn những tường thuật, những câu chuyện hay những đoạn bàn về Luân lý hay Lễ luật. Sứ điệp chính trong Coran công bố tính cách Thiên Chúa duy nhất.

### ***1. Thiên Chúa là Đấng duy nhất***

Islam chỉ tin và chỉ thờ một Thượng Đế duy nhất gọi Allah hay Al-ilah nghĩa là Đấng tối cao. Danh xưng được nhắc đến tất cả 2700 lần trong Coran, ngoài ra truyền thống còn đặt cho Người 99 tên bằng những tính từ khác nhau. Thiên Chúa là Đấng thấy nghe, ban phát ơn và tha thứ. Kinh Coran lặp lại với nhiều hình thức khác nhau “*Thiên Chúa là Đấng duy nhất, không có những thiên tính nào khác ngoài Người*” ( 2,255). Tính cách Thiên Chúa duy nhất còn được diễn đạt trong thái độ người Islam lo lắng công bố uy thế và siêu việt tính của Người. “*Chỉ một mình Thiên Chúa cao trọng hơn tất cả*” (Allahu Akbar). Thiên Chúa cao trọng uy thế biểu lộ trong sự kiện Người hoàn toàn khác biệt với những tạo vật do Người dựng nên: “*Không ai giống được như Người*” (42,11). Dù Thiên Chúa được xem là Đấng Toàn Năng nhưng Người cũng rất gần loài người. Sự gần gũi như hình ảnh một ông chủ mà người đầy tớ thích được hầu hạ, nhưng không đi vào phạm vi thân tình của ông ta. Thiên Chúa còn gần con người trong lời kinh nguyện: “*Nếu những đầy tớ của Ta hỏi người về Ta... Ta gần họ. Ta thỏa mãn lời cầu nguyện của những ai khẩn xin Ta*” (2,186). Sự gần gũi còn mang đầy niềm hy vọng trước Thiên Chúa

tốt lành đối với kẻ tin Người. Niềm hy vọng trên luôn luôn hòa hợp e dè tôn kính. Kinh Coran cho rằng Thiên Chúa thường hành động nào đó của những đầy tớ và chính họ cũng tìm kiếm làm sao làm hài lòng Người qua cách ăn ở.

## **2. Thiên Chúa là Đấng sáng tạo vũ trụ**

Trong những lời giảng dạy về Thiên Chúa cũng như những thái độ con người đối với Thiên Chúa. Kinh Coran còn nhấn mạnh Thiên Chúa là Chúa và chủ tất cả tạo vật. Trong Coran không có đoạn nào rõ rệt như Kinh Thánh Cựu ước đề nói về Thiên Chúa sáng tạo, nhưng bằng bạc đó đây nhiều giai thoại sáng thế. Coran khẳng định rõ Thiên Chúa là Đấng tạo hóa. Người dựng nên loài người, thú vật, cây cỏ và thiên nhiên. Người tiếp tục công trình sáng tạo khi làm sinh nở con cháu loài người. Riêng với loài người, Thiên Chúa ký một giao ước *“với các tiên tri, Noê, Ápraham, Môsê và Giêsu con bà Maria, chúng ta đã ký một giao ước vĩnh cửu, hầu Thiên Chúa đòi phải giải thích về trung thực tấm lòng chân thành của họ, nhưng Người cũng sửa soạn cho những kẻ ngoại một án phạt đau đớn”* (33,7-8).

## **3. Tùng phục Thiên Chúa**

Vì chính Người đã tạo dựng và làm cho tất cả hiện hữu nên mọi loài phải tùng phục Người. Thiên Chúa quay về phía trời đang bốc khói và phán cùng trái đất: *“Trời và đất hãy về dù các ngươi muốn hay không”*. Và trời đất đáp: *“Chúng tôi đến tuân phục”* (44,11). Trong buổi sơ khai trần thế, Thiên Chúa đã tụ họp tất cả loài người sinh sản bởi dòng dõi Áđam và hỏi: *“Ta có phải là Chúa các ngươi không?”*. Tất cả đều đồng thanh đáp: *“Đúng vậy chúng tôi chứng thực điều đó”*. Như thế loài người không còn lý do gì để chạy tội ngày phán xét chung nếu họ chệnh mảng Thiên Chúa duy nhất tính và Chúa các tạo vật (7,172). Điều này ghi ngay trong bản chất loài người và họ phải

ý thức. Ngược lại, “kẻ nào tùng phục Thiên Chúa và làm việc thiện sẽ được thưởng ở gần Chúa” (2,112). Mọi người Islam phải biết nhìn nhận Thiên Chúa là chủ và Chúa: “*Nếu các người tuân phục, Thiên Chúa sẽ ban cho các người một phần thưởng xứng đáng*” và tiên tri Mahomet nhấn mạnh: “*Tôi đến cùng anh em với dấu chỉ của Thiên Chúa. Hãy kính sợ Người và vâng nghe theo tôi*” (3,50).

## - Kinh Nguyện

Một trong nghĩa vụ đầu tiên của người Islam là cầu nguyện. Nghi thức cầu nguyện còn gọi “sabat” phận vụ bắt buộc mọi người, trừ trẻ em chưa đến tuổi dậy thì, người già, người bệnh và những khách du hành. Nghi thức cầu nguyện gồm có “raka” hay sụp lạy bắt đầu bằng lời nguyện “*Thiên Chúa là Đấng tối cao*” với hai bàn tay mở ngang mặt. Tiếp theo đọc chương “Fatihah” và cúi đầu với hai bàn tay để xuống đầu gối. Khi xong, người cầu nguyện đứng dậy trong trạng thái sụp lạy lại. Tuy nhiên, chỉ có sự sụp lạy đầu tiên trong ngày bắt đầu bằng lời chào Đấng Allah, những lần kế tiếp lại đọc những chương kinh Coran.

Người Islam giữ nghi thức Raka như sau:

- 2 lần lúc vừa rạng đông nhưng trước khi mặt trời ló dạng hầu tránh nhầm lẫn cho rằng sụp lạy mặt trời.
- 4 lần đúng giờ Ngọ.
- 4 lần buổi chiều.
- 3 lần lúc hoàng hôn ngay khi mặt trời vừa khuất dạng cuối chân trời.
- 4 lần khi canh giờ đầu đêm tối sắp chấm dứt.

Người ta có thể cầu nguyện nơi công cộng hay trong phòng riêng. Bình thường nơi công cộng đều được hướng dẫn bởi một thầy cả

(Iman) và quay hướng về La Mecque: “Hãy quay mặt ngưởi về hướng đền Thánh, dù ngưởi đang ở đâu hãy quay mặt về hướng ấy” (2,144).

Riêng ngày thứ sáu có nghi thức nguyện kinh trưa tại đền thờ. Tất cả mọi người được kêu gọi tham dự để đánh dấu tình liên đới. Nghi thức ngày này gồm có hai phần: Cầu khẩn để chào mừng Đấng tiên tri và nghe giảng thuyết.

### **- *Bố thí***

Nghĩa vụ thứ hai được nhắc lại không ngừng như cầu nguyện là việc bố thí. Có hai thể cách làm việc này: Tự nguyện và bắt buộc (zakat). Bố thí bắt buộc gồm ngũ cốc, trái cây, súc vật, tiền bạc, vàng tương ứng một phần bốn mươi lợi tức hằng năm. Zakat đòi hỏi mọi người Islam hy sinh cho kẻ nghèo, người bị tù đày, kẻ nô lệ, những người bảo vệ luật và rao truyền đạo giáo: “*Những ai bố thí của cải mình để được thiên hạ khen... giống như tảng đá bao bọc bởi đất, một trận mưa to phủ xuống sẽ làm tảng đá trở trụi*” ( 2,264).

### **- *Tháng nhịn ăn (Ramadan)***

Theo niềm tin Islam, Ramadan là tháng mà kinh Coran được mạc khải cho loài người. Một cơ hội biểu lộ niềm tin mình. Họ nhịn ăn hằng ngày trong vòng một tháng cho tới khi mặt trời lặn. Kinh Coran ghi: “*Các ngưởi chỉ ăn uống trong khoảng thời gian cho đến khi nào có thể phân biệt ở rạng đông một sợi chỉ trắng và một sợi chỉ đen*” (2,87). Những người giữ chay là những người phục tùng Thiên Chúa.

### **- *Hành hương La Mecque***

Nghĩa vụ cuối cùng người Islam phải làm là đến hành hương tại La Mecque ít nhất một lần trong đời mình vào tháng thứ mười hai “loch”. La Mecque nằm ở Ả rập Saôđi, nơi Mahomet sinh quán. La Mecque còn gọi lại nơi trước đây tiên tri Ápraham ghé thăm và nơi

người Islam đã phá hủy thần tượng dân ngoại. Mục đích cuộc hành hương: Đến hôn hòn đá đen như suối nguồn phúc lành. Hòn đá treo ngay một góc của Kaaba. Kaaba là một khối có 15m chiều cao, dài và rộng 10-12m, nơi Đấng Allah ngự. Một nghi thức khác: Người hành hương lượm bảy hòn đá nhỏ và ném vào ba cột trụ dựng gần đó như dấu chỉ xua đuổi ma quỷ. Sau đó họ về dâng của lễ bằng chiên hay lạc đà, đi thăm viếng đền Thánh và đi bảy vòng chung quanh khối Kaaba. Trước cuộc hành hương mọi người phải tẩy uế. Đoàn ông cạo đầu, đàn bà che mặt, trong thời gian hành hương không bắt buộc chay tịnh nhưng tránh chất thom và giao hợp. Khách hành hương lại luôn luôn tâm niệm “*Tôi đi hành hương vì Thiên Chúa*” như thế họ sẽ bảo đảm nhận lãnh ơn cứu độ. Thánh chiến (dijihad) cũng được quy định tương quan với việc hành hương và nhịn chay để bảo vệ đức tin Islam (2,186). Cuộc Thánh chiến còn được điều động để quảng bá đạo giáo (9,5). Việc này không phải riêng tư nhưng một nghĩa vụ chung. Tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa chí tôn và duy nhất, kèm theo bốn nghĩa vụ vừa ghi trên kết thành cột trụ đời sống đạo Islam.

#### ***4. Luân lý theo Kinh Coran***

Kinh Coran cũng có một số lề luật tương tự thập giới Môsê. Người Islam không được giết người (4,151). Về hôn nhân: Người phụ nữ chỉ có thể mở mặt cho chồng mình xem mà thôi. Cô không được lấy chồng nếu cha mình không cho phép. Dầu sao cô cũng không được lập gia đình với một người Do thái hay theo Thiên Chúa giáo. Ngoài ra Kinh Coran còn dự trù một số hình phạt:

- Luật phạt bằng ngang hay mất đền mắt, răng đền răng (2,178).
- Phạt đánh một trăm roi cho cặp nào ngoại tình (24,2).
- Kẻ ăn cắp bị chặt tay (5,38).
- Kẻ bất trung hay phản đạo bị án tử hình (4,89).

## 5. Thiên Đàng và Hỏa ngục

Đời sống người Islam mang một cuộc sống tuân phục. Bởi thế, chính Thiên Chúa ban phát thưởng cũng như phạt. Nhân loại được Thiên Chúa gửi đến 28 Đấng tiên tri (Ăđam, Nôe, Ấpraham, Giêsu và mười tiên tri có ghi trong Cựu ước) và đặc biệt tiên tri Mahomet để loan báo về ngày tận thế và phán xét chung. Ngày ấy tai biến sẽ xảy ra, núi đồi rung chuyển, đất mở ra quặng lại những kẻ qua đời, những luồng lửa xé màn trời và Đấng Allah cho kẻ chết sống lại. Cuốn sách định mệnh mở ra ghi đầy đủ tên những người đã nghe theo sứ điệp các tiên tri, họ được vào Thiên Đàng, còn tất cả những kẻ khác sẽ vào hỏa ngục đời đời.

### Kết Luận

Qua cái nhìn tổng quát về kinh Coran nhận thấy quan niệm người Islam cho đây là một cuốn sách Thánh. Chính Thiên Chúa là tác giả và người viết, vì thế kinh Coran luôn kề cận bên Người vĩnh cửu, cũng vì thế mọi ý tưởng, lời văn ghi trong đó phải được tôn trọng tuyệt đối như bất di bất dịch.

### - Đức Giêsu, con bà Maria trong kinh Coran<sup>1</sup>

Kinh Coran không có từ ngữ “Maria, Mẹ Đức Giêsu”, nhưng ghi tất cả 22 lần Giêsu “con của Maria”. Chính người con như điểm khởi đầu diễn từ về người mẹ. Đức Giêsu được coi như một ngôn sứ lớn. Thiên Chúa đã gửi “*theo sau các ngôn sứ, Giêsu, con của Maria*”. Chính trong dòng ngôn sứ, Đức Giêsu được đặt vào trong đó: “*Quả thật Ta đã khải thị cho người như là đã khải thị cho Noah và các Nhà Tiên Tri sau đó. Ta đã khải thị cho Ấpraham, Ismael, Isaac, Jacob và*

---

<sup>1</sup> Phần này theo Dominique Cerbelaud, Marie un parcours dogmatique, Cerf, Paris, 2003, trang 253-260.

*con cháu, cho Jêsu, Job và Jonah, cho Aarôn và Solomon. Ta cũng đã ban cho Đavít quyển Thánh Thi.*

*Ta đã phái một số Sứ Giả mà Ta đã báo trước với người, và một số Sứ Giả khác mà Ta chưa đề cập đến. A-La đã trò chuyện một cách thân thiết với Môsê” (Coran 4,164-165)<sup>1</sup>.*

Những đoạn đưa ra những nhân vật đến từ Tân ước: “*Ta đã ban cho hănn Isaac và Jacob, rồi giáo hóa cả hai. Ngày xưa Ta đã giáo hóa Noah và các con cháu của hănn như là Đavít, Sôlômôn, Job, Môsê và Aarôn. Như thế, Ta đã ban thưởng những kẻ năng làm việc thiện.*

*Và Ta đã giáo hóa Zacarya, Joan, Jêsu và Êlia; mỗi người đều là kẻ hiền đức.*

*Ta cũng đã giáo hóa Ishmael, Êlisa, Jôna và Lôt; Ta đã đặt họ trên chư dân” (Coran 6, 85-87).*

Niên sử theo danh sách trên không đúng theo thời gian, nhưng tất cả đều nhắm đến tiên tri Môhamét, được coi như người hoàn thành Mạc Khải. Theo viễn ảnh đó, Đức Giêsu không giữ vai trò ưu tiên: “*Đấng Mêsia, con của Maria chỉ là một ngôn sứ; các ngôn sứ đã đi qua trước ông” (Coran 5,75).* Thế nhưng từ “Mêsia” ở đây không mang màu sắc thần học, nhưng chỉ là một tước hiệu trong ngôn ngữ hằng ngày.

Vì thế theo văn bản, Đức Giêsu cũng không thể là Thiên Chúa: “*Những ai nói: Thiên Chúa chính thật là Đấng Mêsia, con của Maria là người nghịch đạo. Nói: “Ai có thể chống lại Thiên Chúa, nếu như họ muốn phá hủy Đấng Mêsia, con của Maria, cũng là mẹ của Người, và tất cả những người trên thế gian”. Nước trời và thế gian và những*

---

<sup>1</sup> Theo bản dịch: Thánh Thư Koran, Vietnamese translation, 1988 nhà xuất bản Ahmadi, Mubarak Ahmad Saqui.



gì ở giữa cả hai đều thuộc về Thiên Chúa. Người sáng tạo điều Người muốn, Người quyền năng trên mọi sự” (Coran 5,17). Cuộc luận chiến chống lại Kitô giáo trong đó kéo dài ra đến luận chiến chống lại Ba Ngôi Thiên Chúa: “*Hỡi dân của Kinh Thánh, chớ vượt quá phạm vi tôn giáo của các người, chớ nên tương trình với A-La những điều ngoài sự thật. Quả thật Messia, tức là Jêsu con trai của Maria, chỉ là một Sứ Giả của A-La, là lời hứa mà Ngài đã phán cho Maria, là linh hồn mà Ngài đã tạo ra. Vì thế, hãy tin tưởng nơi A-La và các Sứ Giả, chớ bảo: “Họ có cả thấy ba người”. Hãy phủ nhận điều đó thì sẽ có lợi cho các người. A-La quả thật là Chúa Trời duy nhất. Cho rằng Ngài có con là việc phạm đến Thánh linh. Vạn vật trong trời đất này đều thuộc về A-La. Một mình Ngài cũng đủ là Đấng Bảo Hộ rồi”* (Coran 4,172).

### **- Cuộc đời Đức Maria và Đức Giêsu**

Kinh Coran có hai lần nói về bối cảnh Đức Giêsu sinh ra nơi “sourate = chương” 19 mang tựa đề: Maria: “*Hãy thuật lại câu chuyện về Maria như đã đề cập trong Thánh Thư này. Lúc nàng rời khỏi thân tộc lui về một chỗ ở phía Đông.*

*Và bỏ màn tránh mặt thân nhân. Ta đã phái Thiên sứ xuống. Hẳn đã hiện ra trước nàng qua hình dạng của một người đàn ông.*

*Nàng nói: “Tôi sẽ xin Chúa từ tâm cứu tôi tránh khỏi ông, dầu ông là kẻ biết kính sợ Ngài đi nữa”.*

*Hắn trả lời: “Ta chỉ là Sứ Giả của Chúa, để ban cho người một đứa con lương thiện”.*

*Nàng nói: “Chưa có ai rớt tới tôi cả và tôi cũng chẳng phải là kẻ bất trinh, làm sao tôi có thể hoài thai được?”.*

Hắn trả lời: “Đúng vậy nhưng Chúa đã phán rằng: “Áy là việc giản dị với Ta. Ta làm thế để hắn thành Phép Lạ và sự từ bi của Ta ban cho nhân gian. Việc này đã được định trước rồi.”

Rồi nàng đã hoài thai và mang đứa nhỏ trong lòng dòi về một chỗ hẻo lánh.

Và cơn đau lúc lâm bồn làm nàng phải ôm lấy thân cây kè nói rằng: “Ôi, chớ chi tôi chết phút trước việc này và được mọi người quên lãng!”

Lúc đó hắn (thiên sứ) đã gọi nàng từ bên dưới: “Chớ buồn chi. Chúa đã đặt lạch nước nơi chân của ngươi.

“Hãy lắc thân cây kè, trái chín sẽ rụng xuống cho ngươi”.

“Nên hãy ăn và uống để làm dịu mắt ngươi. Nếu có gặp ai hãy nói: “Tôi đã thề với Chúa từ tâm nhện nói. Nên hôm nay tôi không thể nói chuyện với ai được”.

Rồi nàng ẵm đứa nhỏ về nhà. Mọi người nói: “Hỡi Maria, ngươi đã sinh ra vật quái gở này”.

“Hỡi người chị của Aarôn; cha ngươi không phải là kẻ ác đức, mẹ ngươi cũng không phải là gái lẳng loàn!”.

Lúc ấy nàng chỉ vào đứa nhỏ. Họ bèn nói: “Làm sao chúng tôi gọi chuyện với đứa nhỏ trong nôi được?”.

Tức thì đứa nhỏ lên tiếng: “Ta là bề tôi của A-La. Ngài đã ban cho ta Kinh Thánh và khiến ta làm Nhà Tiên Tri;

“Ngài đã làm cho ta được chúc phúc lành ở mọi nơi, và bắt ta phải cầu nguyện và bố thí suốt đời.

“Ngài khiến ta phải ăn ở hiếu thảo với mẹ của ta và không cho phép ta thành kẻ ngạo mạn ác đức.

*“Ngày ta chào đời đây sự bình an. Rồi ngày mà ta chết đi và ngày mà ta được hồi sinh lại cũng sẽ bình an”.*

*Ấy là Jêsu, con trai của Maria. Đây là lời xác nhận sự thật mà mọi người đang nghi ngờ.*

*Việc A-La có con hoàn toàn không thích đáng chút nào. Ngài vinh hiển thay. Khi Ngài quyết định việc gì, Ngài chỉ phán: “Hãy nghe Ta”, thì đã xảy ra như vậy” (Coran 19,16-35).*

Trình thuật “truyền tin” trong kinh Coran rất gần với văn bản truyền tin cho Đức Maria trong Tin mừng Luca 1,26-38 và cùng khai triển quan niệm về trình thai Đức Giê-su. Trong Kinh Coran, căn cước “người viếng thăm” rất mơ hồ: *“Ta đã phái Thiên sứ (cần dịch đúng hơn = Thần Khí của Ta) xuống. Hắn đã hiện ra trước nàng qua hình dạng của một người đàn ông”.* Trong một số Ngụy thư Kitô giáo cũng mang cùng điếm mơ hồ như trên. Ví dụ như Ngụy thư “Thư các Tông đồ” bằng tiếng Ethôpi, ở thế giữa thế kỷ thứ II cho thấy Đức Giê-su nói với các tông đồ: *“Dưới dạng thiên sứ Gabriel, ta hiện ra cho Đức Trinh nữ Maria và nói với cô. Trái tim cô đón nhận ta, và cô đã tin, và cô cười. Ta, Ngôi Lời, ta đi vào trong cô và trở thành xác. Ta trở thành người đầy tớ chính ta dưới dạng một thiên sứ” (14).*

Ngược lại trình thuật hài nhi sinh nở không thấy có những văn bản Kitô giáo làm vọng lại. Và hài nhi lên tiếng nói không thấy có văn bản song đối nào trong Kitô giáo. Đức Maria được coi như “chị ông Aaron”, và những trách cứ về gia đình Đức Maria gọi lại những “dèm pha Do thái giáo” cho Đức Maria không có tư cách đứng đắn. Thêm nữa, trong đoạn văn Coran Đức Giê-su từ chối tước hiệu “con”. Việc trình thai huyền diệu của Đức Maria coi như gần với hành động sáng tạo mà qua đó Thiên Chúa tạo dựng mọi sự từ hư không.

Trong chương 3, kinh Coran có nói đến việc Đức Maria sinh ra và cuộc đời thơ ấu của ngài: *Hãy nhớ lúc người vợ của Imran bảo: “Lạy Chúa, tôi đã thề sẽ dâng đứa nhỏ trong bào thai này cho Ngài, xin Ngài hãy nhận nó. Ngài quả thật là Đáng nghe tất cả và biết tất cả”.*

*Nhưng khi nàng sanh xong, nàng bảo: “Lạy Chúa, tôi đã sanh ra một bé gái - nhưng chuyện sinh nở như thế, Ngài là Đáng biết rõ nhất; đứa con trai mà nàng đã ao ước không giống như đứa con gái mà nàng đã sanh - tôi đã đặt tên nó là Maria. Tôi xin Ngài gia hộ cho nó và cả con cháu của nó để khỏi bị quỷ Satăng ám hại.*

*Chúa đã thấu nhận đứa bé và làm nó trưởng thành mỹ miều ra và khiến Zacarya trông nom nàng. Mỗi khi ông bước vào phòng của nàng, ông đều thấy thức ăn đặt bên cạnh nàng, ông bèn hỏi: “Hỡi Maria, từ đâu nàng được các món này? Nàng đáp: “Từ A-La”. A-La ban bố cho kẻ nào làm Ngài hài lòng mà không tính toán” (Coran 3,36-38).*

Những câu văn 39-42 tiếp theo nói về truyền tin cho ông Dacaria và việc ông Gioan Baotixita sinh ra rất gần với trình thuật trong Tin mừng Luca 1,5-25.57-58. Tiếp theo trong kinh Coran lại nói tiếp về Đức Maria: *“Hãy nhớ lúc các Thiên Sứ bảo: “Hỡi Maria, A-La đã chọn ngươi và rửa tội cho ngươi, Ngài đã chọn và đặt ngươi lên trên tất cả các phụ nữ ở thế gian này.*

*“Hỡi Maria, hãy vâng lời Chúa và phủ phục xuống thờ lạy Chúa Trời như những người chung quanh.”*

*Đây là câu chuyện về những điều không thể chứng kiến được mà Ta chỉ tiết lộ cho ngươi thôi. Khi họ phồng mũi tên để đánh cuộc rằng ai sẽ là người trông nom Maria, hoặc khi họ tranh luận với nhau, ngươi không hề hiện diện nơi đó.*

*Các Thiên Sứ bảo: “Hỡi Maria, A-La ban Tin mừng cho ngươi rằng tên đứa bé sẽ là Messia, Jêsu con trai của Maria, sẽ được tôn kính ở kiếp này và kiếp sau, là một trong những người sẽ được hầu cận Chúa Trời.*

*“Là người sẽ nói chuyện với nhân gian khi còn ở trong nôi và khi đến tuổi trung niên, và sẽ trở thành người chính trực.”*

*Nàng hỏi: “Lạy Chúa, làm sao tôi có thể hoài thai trong khi chưa ai rờ tới tôi cả?” Ngài phán: “Đây là cách thức của A-La, Ngài sáng tạo những gì Ngài muốn. Khi Ngài thực hiện điều chi, Ngài chỉ phán: “Hãy nghe Ta!” thì mọi việc đã xảy ra như vậy” (Coran 3,43-48).*

Tiếp theo trình thuật nói về những phép lạ Đức Giêsu làm, và một số phép lạ trong đó đến từ các Ngụy thư về thời thơ ấu Đức Giêsu; lời Đức Giêsu giảng dạy, việc lựa chọn các tông đồ và Đức Giêsu được về gần bên Thiên Chúa (Coran 3,48-57).

Khi kinh Coran nói về gia đình Đức Maria. Trong bản văn kinh Coran Đức Maria mang tên “Imram” và là chị ông Aaron, cho thấy bản văn kinh Coran có thể lầm lẫn với bà Myriam, chị ông Aaron và ông Môsê, và người cha mang tên Amran (Ds 26,59tt). Ngoài ra còn có nhiều yếu tố đến từ Ngụy thư Tiền Tin mừng Giacôbê: Đức Maria được vào ở trong Đền thánh, thức ăn uống đến từ bàn tay các thiên thần, rút thăm người đàn ông lo chăm sóc Đức Maria. Chính các Thiên thần (chứ không phải thiên sứ Gabriel) loan báo cho Đức Maria việc trình thai Đức Giêsu.

Thêm nữa trong chương 5 mở đầu với những việc kỳ diệu do Đức Giêsu làm: Hài nhi mới sinh mở miệng nói, các môn đệ xin Đức Giêsu cho bàn tiệc xuống từ trời, và còn thêm: “A-La hỏi: “Hỡi Jêsu, con trai của Maria, ngươi đã nói với nhân gian, “ngoài A-la ra, hãy thờ

*ta và mẹ của ta như hai vị thánh hay sao?, thì hắn bèn trả lời: “Ngài rất vinh hiển, vì sao tôi có thể tuyên bố những điều trái ngược như thế. Nếu tôi nói như thế thì chắc chắn Ngài đã rõ rồi. Ngài thấu rõ lòng tôi nhưng tôi không thể hiểu lòng Ngài. Chỉ có Ngài là Đấng am tường những điều không thấy được”* (Coran 5,117). Đoạn văn mang ý tưởng luận chiến chống Kitô giáo. “Ba Ngôi” theo đó gồm Thiên Chúa, Đức Giêsu... và Đức Maria. Việc tôn thờ Đức Maria vào thế kỷ thứ VII chưa được khai triển, vì thế sự nhầm lẫn trên có thể đến từ tước hiệu “Theotokos”.

### **- Đức Maria và Đức Giêsu: dấu chỉ mâu thuẫn**

Kinh Coran khẳng định người giữ mình đồng trinh được Đấng A-La thổi Thần Khí, và làm cho nàng và người con một dấu chỉ cho thế gian. Thế nhưng “dấu chỉ” cô trinh nữ sinh con lại có nét một dấu chỉ mâu thuẫn. Nhiều lần, kinh Coran nêu lên người Do thái tiếp đón không mấy thân thiện dành cho người con Đức Maria: *“Hãy nhớ lúc Giêsu, con trai Maria bảo rằng: Hỡi con cái Israel, Ta chính là sứ giả mà A-La đã phái xuống cho các người, để làm trọn những điều trong sách Lê Luật trước đời ta, và để báo Tin mừng về một sứ giả sẽ xuất hiện sau đời ta. Tên của người là Admad. Khi hắn đem mình chứng đến với chúng, chúng bảo: Thật rõ ràng là trò phù thủy”* (Coran 61,7). Cho dù chủ đề việc loan báo trước vị sứ giả sẽ đến thường được coi đến từ truyền thống riêng của đạo Islam, nhưng qua đó cũng thấy chủ đề dựa vào văn bản lời Đức Giêsu hứa Đấng Paraclet sẽ đến trong Tin mừng Gioan 14,16: *“Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi”*. Việc nói đến “phù thủy” gọi làm vọng lại những văn bản Do thái giáo luận chiến chống Đức Giêsu. Điều cũng thấy qua đoạn văn: *“Chúng lại tỏ thái độ bất tín và nói dối một cách trắng trợn về Maria. Chúng bảo: “Chúng*

*tôi đã giết Messia, tức là Jêsu con trai của Maria và là Sứ Giả của A-La.” Chúng đã không giết Jêsu mà cũng chẳng đóng đinh hắn trên thập tự giá, chỉ có chúng đã không phân biệt rõ thôi. Những người dị nghị về điểm này lúc nào cũng hoài nghi về nó, họ không có kiến thức nào hẳn hoi mà chỉ tưởng tượng thôi. Quả thật chúng không hề giết Jêsu. Ngược lại, A-La đã triệu hồi hắn về bên Ngài. Ngài là Đấng Toàn Năng và Khôn Ngoan” (Coran 6,157-159).*

Tóm lại cho thấy những văn bản chống lại Đức Maria thường mang luận chiến về việc trinh thai Đức Giêsu và truyền thuyết cho Đức Maria không đứng đắn đến nỗi gây sùng sốt cho chính gia đình của ngài. Yếu tố thứ hai trong các đoạn văn cũng không đúng theo giáo thuyết Kitô giáo và rất gần với lạc thuyết ngộ đạo. Thuyết tìm thấy trong các văn bản Nag Hammadi với chủ đề đánh tráo người giống hệt Đức Giêsu trước khi chịu tử hình trên thập tự giá. Và chủ đề đánh tráo người cũng hy vọng loại bỏ cho người Do thái mang trách nhiệm về cái chết của Đức Giêsu.

## Vẻ Đẹp Của Đức Maria

Vẻ đẹp của Đức Maria? Tin mừng không cho tất cả mọi dấu hiệu về vẻ đẹp Mẹ Chúa Giêsu Kitô ngoài lòng khiêm hạ và cái tinh tuyền trinh khiết như những vẻ đẹp luân lý và thiêng liêng. Về vẻ đẹp thân xác không thấy nói gì, ...nhưng “*khi đến thế gian, Đức Giêsu mang những phản ảnh vẻ đẹp của Đức Trinh nữ trên trán, sự trong sáng, cái nhìn trong suốt, và bây giờ Đức Trinh nữ đảm đương vẻ đẹp của Chúa Kitô Đấng Cứu độ*” (Revue du Rosaire, mars 1987).

Vẻ đẹp của Đức Maria? Trước hết ánh huy hoàng tuyệt đối đến từ viên mãn ân sủng nơi ngài. Ân sủng mà chính Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel chào mừng, và được thánh Louis Marie Grignon de Montfort diễn đạt tuyệt diệu: “*Thiên Chúa Cha đã gom nước lại, gọi tên “biển”; Người gom tất cả các ân sủng lại gọi tên “Maria”*... Một viên mãn ân sủng ghi vào thể xác nơi Đức Trinh nữ Nazareth và làm cho ngài “đẹp hơn mọi người phụ nữ mà tôi biết” theo lời thánh nữ Bernadette Soubirous khẳng định vào năm 1854 trước ông cò Jacquomet...

Thật thế, nếu như Kinh Thánh không nói gì trực tiếp đến vẻ đẹp thể xác của Đức Maria, nhưng Kinh Thánh đề nghị một cách gián tiếp nhiều lần. Các Giáo phụ cũng đã nhiều lần nói đến, và sách Diễm Ca cũng gợi ý khi nói người Yêu Mến:

Nàng đẹp quá, bạn tình ơi, đẹp quá!



Sau tấm mạng the, đôi mắt nàng, cặp bồ câu xinh đẹp.  
Tóc nàng gọn sóng như đàn sơn dương  
tự trên ngàn Galaát tựa xuống.  
Răng nàng trắng tựa đàn vật sắp xén lông,  
đàn vật vừa lên từ suối tắm,  
hai hàng sao đều đặn, không chiếc nào lẻ đôi!  
Môi thắm chỉ hồng, miệng duyên dáng,  
má đỏ hây hây màu thạch lựu  
thấp thoáng sau tấm mạng the.  
Cổ nàng đẹp như tháp ngà Đavít  
xây lên để trưng bày chiến lợi phẩm:  
Nơi đó treo ngàn vạn mộc khiên  
toàn là của anh hùng dũng sĩ.  
Bộ ngực khác nào cặp nai tơ,  
cặp nai sinh đôi của nai mẹ,  
gặm cỏ non giữa vườn huệ thắm.  
Bạn tình ơi, toàn thân nàng xinh đẹp,  
nơi nàng chẳng một chút vết nhơ.  
Này em gái của anh, người yêu anh sắp cưới,  
trái tim anh, em đã chiếm mất rồi!  
Mắt em, chỉ một liếc nhìn thôi,  
cổ em, chỉ một vòng kiềng trang điểm,  
đã đủ chiếm trọn vẹn trái tim anh.  
Này em gái của anh, người yêu anh sắp cưới,  
ân ái của em dịu ngọt dường nào,  
ân ái của em nồng nàn biết mấy, nồng nàn hơn cả rượu!  
Em ngan ngát hương thơm, hơn muôn loài phương thảo.  
Người yêu sắp cưới của anh ơi, môi em tươm mật ngọt,  
lưỡi em chan chứa mật ngọt sữa ngon.

Áo em toả hương thơm ngào ngạt tựa hương núi Li băng.  
Này em gái của anh, người yêu anh sắp cưới,  
em là khu vườn cấm, là dòng suối canh phòng nghiêm mật,  
là giếng nước niêm phong... (Đc 4,1-5.7.9-12)

...Trong mọi lãnh vực nghệ thuật, trong mọi nền văn hóa nhân loại và qua mọi thời đại, một số đông đảo nghệ nhân nổi tiếng hay vô danh, đều được thu hút và bị nắm lấy bởi ánh huy hoàng của Đức Maria, và họ đã thử diễn đạt vẻ đẹp khó tả. Vì vậy, từ Đức Maria, con gái Sion đến Đức Trinh nữ người Mê Tây Cơ “Đức bà Guadalupe”, “Đức bà Fatima”, qua tới hình ảnh các Đức Mẹ Phi châu, Á châu như “Đức Mẹ La Vang”, và những ảnh tượng theo truyền thống Chính thống giáo... có rất nhiều chân dung Đức Maria như rất nhiều các dòng giống loài người trên thế gian...

*Strasbourg 2014*

## SÁCH THAM KHẢO

Thư mục về Đức Maria bao la, không thể nào kê khai ra hết được nơi đây. Những sách dưới đây được tham khảo theo từng phần theo chủ đề cuốn sách.

1. René Laurentin, *Structure et théologie de Luc I-II*, Paris 1964.
2. R.E.Brown, K.P.Donfried, J.A.Fitzmyer, *Mary on the New Testament*, Philadelphia, Fortress Press, 1978.
3. Lucien Legrand, *L'Annonciation*, Lectio Divina 106, Cerf, Paris 1981.
4. Leonardo Boff, *Je vous salue Marie*, Cerf, 1986.
5. Ignace De La Potterie, *Marie dans le mystère de l'Alliance*. Desclée 1988.
6. Nguyễn Công Lý OP., *Maria Mẹ con, quyển I & II*, USA 1989.
7. René Laurentin, *Je vous salue Marie*, Desclée de Brouwer, 1989.
8. Nguyễn Văn Trinh, *Kính Kính Mừng Ave Maria*, Đại kết 1992.
9. Augustin Georges, *Marie dans le Nouveau Testament*, DDB 1981.  
Nguyễn Đăng Trúc dịch ra Việt ngữ, Đức Maria trong Tân ước, Định Hướng Tòng thư, 1995.
10. Pierre Guilbert, *Marie des Ecritures*, nouvelle cité, 1995.
11. Groupe Des Dombes, *Marie dans le dessein de Dieu et la communion des saints*, I-II, Paris, Bayard-Centurion, 1997-1998.
12. Aristide Serra, *Myriam, fille de Sion*, Médiaspaul, 1999.
13. Marie Thérèse Nadeau, *Quelle Marie aimons-nous*, Médiaspaul, 2000.

14. Phan Tấn Thành, *Vàng trắng tuyết với: Đức Maria trong mầu nhiệm cứu độ*.
15. Dominique Cerbelaud, *Un parcours dogmatique*, Cerf, 2003.
16. Bernard Seboué s.j., *Marie ce que dit la foi*, Bayard, 2004.
17. Académie Mariale Pontificale Internationale, *La Mère du Seigneur. Mémoire, présence, espérance*, Paris, Salvator, 2005.
18. Lm Augustinô Nguyễn Văn Trinh, *Thánh Mẫu học*, 2005.
19. Norberto, *Đức Maria Nữ tỳ của Thiên Chúa*, 2006.
20. Lm. Nguyễn Hữu Thy, *Đức Maria trong kinh nguyện Giáo Hội*, 2006.
21. B.de Boissieu, Ph.Bordeyne et S.Maggiani, *Marie, l'Église et la théologie. Traité de mariologie*, Paris, Desclée, 2007.
22. Lm. Tanila Hoàng Đắc Ánh, *Thần học về Đức Maria*, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2007.
23. Bản dịch của Lm Nguyễn Văn Trinh, *Huấn quyền về Đức Maria, Tài liệu về Thánh Mẫu học từ Công Đồng Vaticanô II*, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2007.
24. Enrico Norelli, *Marie des apocryphes, Enquête sur la mère de Jésus dans le christianisme antique*, Labor et Fides, 2009.
- 25 R.Laurentin, *Court traité de théologie mariale*, Paris, De Guibert, 2009.
26. Sr huynh Trần Công Lao, *về nhà Cha với Mẹ Maria*, Đắc Lộ Tùng thư, Paris, 2010.
27. Charles Perrot, *Marie de Nazareth au regard des chrétiens du premier siècle*, Lectio Divina 255, Cerf, Paris, 2013.